

**CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ
CHUYÊN GIA**



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ
CHUYÊN GIA**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

PHẦN I GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	1
I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu về Công ty	1
2. Ngành nghề kinh doanh	1
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	1
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý	3
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con.....	5
7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa.....	5
8. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa	9
9. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	10
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	11
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	11
1. Thực trạng về tài sản cố định	11
2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng	12
3. Thực trạng về tài chính, công nợ.....	13
4. Thực trạng về lao động.....	13
5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý kèm theo Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của Ủy ban Nhân dân Thành phố	14
III. KẾT LUẬN	14
PHẦN II PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	15
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	15
1. Cơ sở pháp lý	15
2. Mục tiêu cổ phần hóa	16
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	17
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	17
II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	20
1. Hình thức cổ phần hóa	20
2. Tên công ty cổ phần	20
3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến	20

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	20
5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá	21
6. Loại cổ phần và phương thức phát hành	26
7. Chi phí cổ phần hóa.....	26
8. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa	27
PHẦN III PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP NGƯỜI LAO ĐỘNG	29
I. Phương án sử dụng lao động	29
II. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư	30
PHẦN IV PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	33
I. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty	33
II. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau khi cổ phần hóa	35
1. Cơ hội và thách thức.....	35
2. Định hướng phát triển của Công ty	35
III. Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa	37
IV. Biện pháp thực hiện	37
1. Đối với tổ chức bộ máy Công ty cổ phần.....	37
2. Đối với sản xuất kinh doanh.....	38
3. Về quản lý tài chính:	38
4. Chính sách phát triển thị trường, đối tác kinh doanh:	38
5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực:	39
V. Các rủi ro dự kiến:	39
1. Rủi ro về kinh tế	39
2. Rủi ro về luật pháp	39
3. Rủi ro đặc thù	39
4. Rủi ro của đợt chào bán	40
5. Rủi ro khác	40
VI. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ	40
PHẦN V TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	41

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
Công ty	Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia
SULECO	Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia
DT	Doanh thu
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
LN	Lợi nhuận
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA**
- Tên tiếng Anh : **LABOUR AND EXPERT EXPORT SERVICE COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt : **SULECO CO., LTD**
- Trụ sở chính : **635A Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh**
- Điện thoại : **(08) 38556740 – (08) 38538423** Fax: **(08) 3856 5813**
- Website : www.sulecovietsiam.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0301339815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 09 năm 2010 và thay đổi lần thứ 1 ngày 23 tháng 05 năm 2012.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301339815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 09 năm 2010 và thay đổi lần thứ 1 ngày 23 tháng 05 năm 2012, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia. Giới thiệu việc làm ;
- Tư vấn du học; Dịch vụ dịch thuật, dịch tài liệu, sách báo; Phiên dịch;
- Lữ hành trong nước; Lữ hành quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Xuất khẩu thực phẩm, xuất khẩu văn hóa phẩm ra nước ngoài để cung cấp cho người lao động Việt Nam ở nước ngoài ;
- Gia công may da, vải simili, lều bạt, nệm xe hơi; và
- Mua bán nông hải sản, thực phẩm, phụ tùng xe ô tô, hàng điện, điện tử, xe hơi, kim khí điện máy.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Dịch vụ chủ yếu của Công ty là dịch vụ xuất khẩu lao động và cho thuê lại lao động. SULECO tuyển chọn và đào tạo các lao động lành nghề, có kỹ năng tốt sang các nước chủ yếu là: Nhật Bản.

4. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thân của Công ty Suleco là Phòng hợp tác lao động nước ngoài của Sở LĐTBXH TPHCM, đến ngày 19/12/1991 có quyết định thành lập Công ty Suleco.
- Năm 1995 Công ty Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (Suleco) được thành lập lại theo Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 12/4/1995 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và giấy phép số 17/LĐTBXH-GP ngày 24/12/1999 do Bộ Lao động Thương binh Xã hội cấp với nhiệm vụ tổ chức đưa người lao động (NLĐ) Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Ngày 31 tháng 07 năm 2010 được chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV theo Quyết định 3369/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân TPHCM về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia thành Công ty TNHH MTV.

Các thành tựu đạt được trong quá trình hoạt động của SULECO:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận danh hiệu thi đua; Cơ quan ban hành Quyết định
2008	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của UBND thành phố. Hình thức khen thưởng: Bằng khen theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 22/01/2008 của UBND thành phố và Quyết định số 1775/QĐ-LĐTBXH ngày 12/12/2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
2009	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 21/01/2010 của UBND thành phố. Hình thức khen thưởng: Bằng khen theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 21/01/2010 của UBND thành phố.
2010	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 30/01/2011 của UBND thành phố. Hình thức khen thưởng: Bằng khen theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 21/01/2010 của UBND thành phố.
2011	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của UBND thành phố. Hình thức khen thưởng: Bằng khen theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 30/01/2011 của UBND thành phố.
2012	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của UBND thành phố. Hình thức khen thưởng: Bằng khen theo Quyết định số 45/QĐ-LĐTBXH ngày 08/01/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

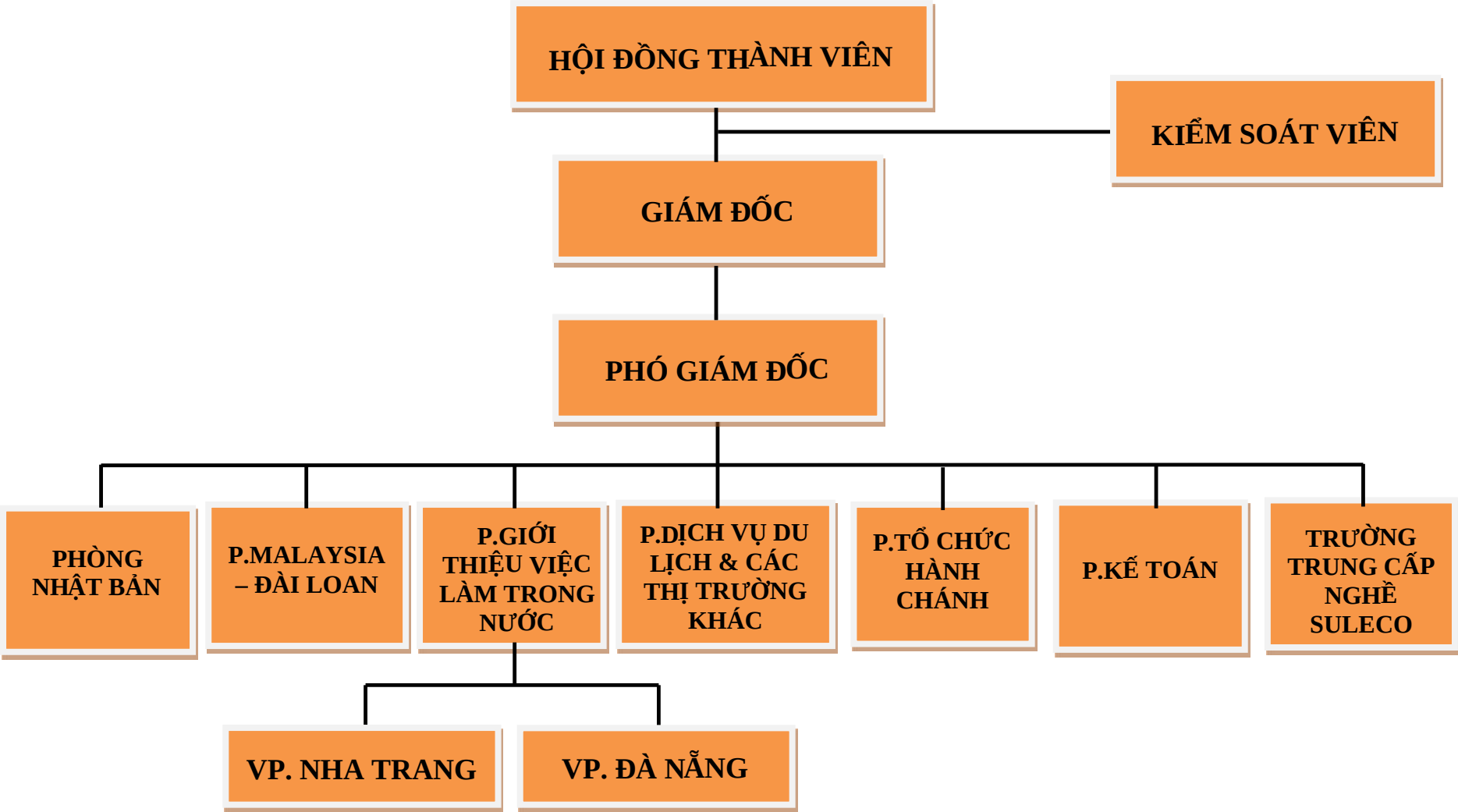
Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận danh hiệu thi đua; Cơ quan ban hành Quyết định
2013	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của UBND thành phố. Hình thức khen thưởng: Bằng khen theo Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của UBND thành phố.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, các phòng ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc với chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- Ban Giám đốc: bao gồm Giám đốc, một phó giám đốc
- 05 Phòng chức năng và một đơn vị trực thuộc: Phòng tổ chức hành chính, Phòng kế toán, Phòng Thị trường Nhật Bản, Phòng giới thiệu việc làm, Phòng Thị trường Malaysia – Đài Loan, Trường trung cấp nghề Suleco.

Bộ máy tổ chức của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

6.1 Công ty Mẹ

Tên: Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 67-73 Nguyễn Du, Quận 1, Tp.HCM

6.2 Công ty con

Không có.

6.3 Công ty liên kết, liên doanh

Không có.

7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

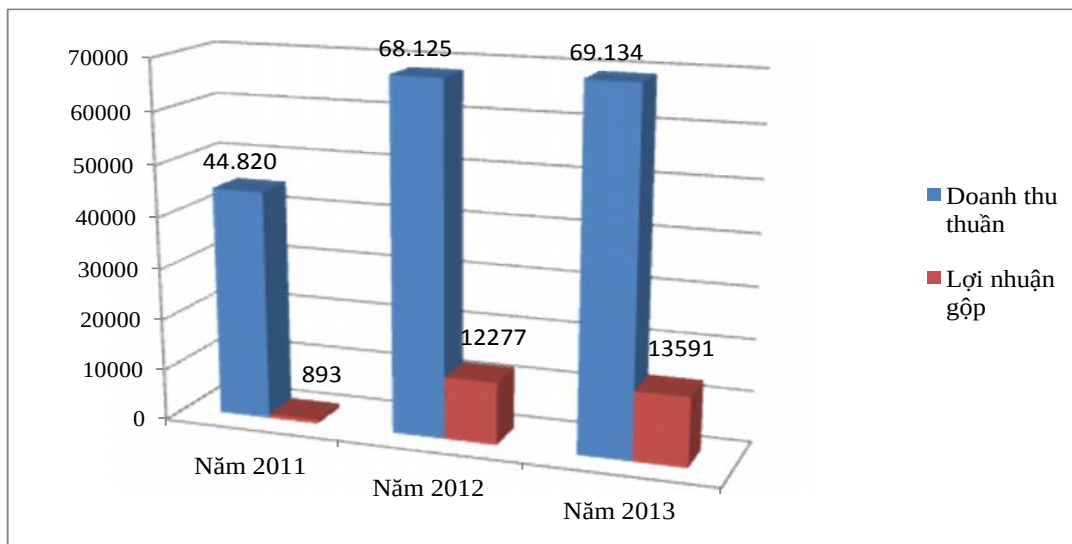
7.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

7.1.1 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

✚ Các nhóm dịch vụ Công ty đang cung cấp, kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cung ứng lao động xuất khẩu đi làm việc tại nước ngoài. Tập trung chủ yếu cung cấp lao động cho thị trường Nhật Bản.
- Dịch vụ cung ứng cho thuê lại lao động: chủ yếu là cung ứng nhân viên tiếp thị cho Nhà máy bia Việt Nam tại các khu vực miền Trung.

✚ Doanh thu thuần, lãi gộp của Công ty trong 03 năm 2011, 2012, 2013:



SULECO kỳ vọng với chính sách thúc đẩy xuất khẩu lao động và nhu cầu lớn của các nước về nguồn lao động xuất khẩu thì doanh số của SULECO sẽ tăng trưởng hàng năm 10-18%.

✚ Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trước cổ phần hóa

Cơ cấu doanh thu thuần trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

Nhóm Dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		6 tháng 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ cung ứng lao động xuất khẩu	25.991	37,21	27.657	40,60	26.371	38,14	9.866	26,73
Dịch vụ cung ứng cho thuê lại lao động	43.453	62,22	40.099	58,86	42.653	61,70	27.039	73,27
Đại lý vé máy bay	395	0,57	369	0,54	110	0,16	0	0
Tổng cộng	69.839	100	68.125	100	69.134	100	36.905	100

Nguồn: SULECO

Cơ cấu lợi nhuận gộp trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

Nhóm Hàng hóa/ Dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		6 tháng 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ cung ứng lao động xuất khẩu	22.758	93,64	10.761	87,64	12.021	88,45	5.026	83,20
Dịch vụ cung ứng cho thuê lại lao động	1.527	6,28	1.478	12,04	1.540	11,33	1.015	16,80
Đại lý vé máy bay	18	0,07	39	0,32	30	0,22	0	0
Tổng cộng	24.303	100	12.278	100	13.591	100	6.041	100

Nguồn: SULECO

7.1.2 Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với Tổng doanh thu qua các năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		6 tháng 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	45.536	56,75	55.848	62,65	55.542	66,94	30.864	32,18

Yếu tố chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		6 tháng 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí tài chính	149	0,19	657	0,74	3.570	4,30	5	0,01
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.921	26,07	6.213	6,97	7.143	8,61	7.271	7,58
Chi phí khác	39	0,05	4	0,00	673	0,81	5.646	5,89
Tổng chi phí	66.645	83,05	62.721	70,37	66.929	80,67	43.786	45,65

Nguồn: SULECO

Trong thời gian vừa qua, chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu bao gồm: giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tỷ trọng chi phí sản xuất kinh doanh trên tổng doanh thu trong những năm qua dao động khá mạnh, cao nhất là năm 2011 với tỷ trọng là 83,05%, đến năm 2012 tỷ lệ này chỉ còn 70,37%.

Nhìn chung, công tác kiểm soát chi phí cũng được Công ty chú trọng, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp thông qua các biện pháp như: quy định định mức văn phòng phẩm cho từng phòng ban, tiết kiệm chi phí điện nước, ... giúp tỷ trọng chi phí Quản lý trong năm 2013 giảm còn 8,61% so với mức 26,07% trong năm 2011.

Công ty SULECO đã làm tốt vai trò của một doanh nghiệp nhà nước trong hoạt động đào tạo và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, trong đó số lao động kỹ thuật chiếm tỉ lệ cao, có thu nhập ổn định và ít gặp phải rủi ro, tranh chấp.

Công ty SULECO luôn được các cơ quan ban ngành trung ương và thành phố Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo giúp đỡ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc; đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty quán triệt đường lối chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ; việc duy trì thị trường truyền thống và mở thị trường mới cùng với mối liên kết chặt chẽ với các đơn vị đào tạo có nguồn lao động kỹ thuật, nhờ đó đã đưa nhiều lao động kỹ thuật đi làm việc tại các nhà máy ở Nhật Bản với thu nhập cao và ổn định...đã góp phần vào hiệu quả hoạt động của Công ty và tạo điều kiện cho Công ty phát triển ổn định và đúng hướng.

Việc thực hiện chính sách tiết kiệm được đặt lên hàng đầu trong mọi hoạt động kinh doanh và quản lý. Công tác quản lý chi phí theo định mức, kiểm tra, giám sát nội bộ trong từng công việc được thực hiện đồng bộ trong toàn Công ty.

7.1.3 Trình độ công nghệ

So với các đơn vị cùng ngành, trình độ công nghệ của Công ty tương đối phát triển

và phù hợp tình hình phát triển của đơn vị.

Ứng dụng tin học và công nghệ thông tin trong mọi hoạt động dịch vụ liên quan đến lao động bao gồm: tuyển dụng, tổ chức đào tạo, quản lý hồ sơ lao động làm việc ngoài nước, hồ sơ thanh lý hợp đồng lao động và các dịch vụ liên quan khác. Công ty thường xuyên sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm kế toán để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, sử dụng kết nối mạng nội bộ, sử dụng Internet và sử dụng email hàng ngày... Công ty có trang web: www.sulecovieta.com

7.1.4 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty chủ yếu chú trọng chất lượng người lao động đưa đi làm việc tại nước ngoài, chứ không chạy theo số lượng.

Do đặc thù của hoạt động xuất khẩu lao động, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của SULECO chủ yếu là mở rộng thực hiện dịch vụ xuất khẩu đi các nước khác, cụ thể:

- Mở rộng thêm các thị trường xuất khẩu lao động sang thị trường Nhật Bản cũng như mở rộng thêm thị trường các nước khác Úc, Canada, Bồ Đào Nha.

7.1.5 Hoạt động Marketing

Bộ phận thị trường nghiệp vụ đảm nhận công việc marketing dịch vụ và thương hiệu Công ty.

Hoạt động nghiên cứu thị trường được tiến hành thường xuyên. Công ty tập trung quảng bá mạnh trên báo, trên trang web.

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh nên các chương trình khuyến mãi đối với khách hàng và đại lý chưa được công ty đẩy mạnh phát triển.

Một số hoạt động tiếp thị tiêu biểu: quảng cáo trên báo đài, tài trợ cho các chương trình truyền hình, gameshow hoặc các chương trình thể thao, xã hội...;

Công ty đang có ý định mở rộng thị phần ở các thị trường Úc, Canada, Châu Âu.

Công ty xây dựng chính sách về giá cạnh tranh so với các công ty cùng ngành. Đồng thời chính sách giá cũng tạo cơ hội cho khách hàng dễ dàng tiếp cận các sản phẩm của công ty.

7.1.6 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty:



Trong chiến lược sắp tới, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững và phát huy thương hiệu

SULECO, là doanh nghiệp tiên phong trong việc đưa nhiều lao động có tay nghề và lao động kỹ thuật cao đi làm việc ở các nước phát triển theo đúng định hướng của Nhà nước về chiến lược xuất khẩu lao động.

7.1.7 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Công ty đã ký hợp đồng và đã đưa được nhiều lao động sang làm việc tại Nhật Bản với các Nghiệp đoàn: S-Seiko, Sakura, Nichiesu, Toko, Nagashaki, Universal,...

Hợp đồng trong nước, Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ nhân viên tiếp thị cho Nhà máy bia Việt Nam...

STT	Khách hàng	Số Hợp đồng	Ngày thực hiện	Thời hạn hợp đồng
1	Công ty TNHH Bia và nước giải khát Crown Đà Nẵng	01/2014/HĐDV	01/06/2014	1 năm
2	Công ty TNHH Bia và nước giải khát Việt Nam (VBB)	0134/14/VBB	02/05/2014	1 năm
3	Công ty TNHH VBL Đà Nẵng	00067/12/VBLDN	28/05/2014	1 năm
4	Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	0239/14/VBL	01/03/2014	1 năm
5	Công ty TNHH VBL Quảng Nam	0049/14/VBLQN	01/08/2014	8 tháng

Hiện các đối tác trên vẫn đang là khách hàng thường xuyên của công ty.

8. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng Năm 2014
1	Tổng tài sản	238.2678	246.895	244.129	238.041
2	Vốn Chủ sở hữu ⁽¹⁾	54.611	69.697	40.577	52.434
3	Nợ phải trả	183.657	177.198	203.552	185.607
3.1	Nợ vay ngắn hạn	182.989	177.058	203.482	185.587
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
3.2	Nợ vay dài hạn	668	140	70	20
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
4	Nợ phải thu	28.823	21.381	17.051	7.541

¹ Vốn chủ sở hữu không bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi, Nguồn kinh phí và quỹ khác

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng Năm 2014
	<i>Trong đó: Nợ khó đòi</i>	-	-	-	-
5	Tổng số lao động	69	64	71	61
6	Tổng quỹ lương	10.167	8.434	8.564	7.503
7	Thu nhập bình quân 1 người lao động/tháng	13,4	12	11,6	12,1
8	Tổng doanh thu	80.243	89.137	82.970	95.930
9	Tổng chi phí	66.645	62.722	66.929	43.786
10	Lợi nhuận trước thuế	13.598	26.416	16.041	52.144
11	Lợi nhuận sau thuế	9.771	19.204	10.902	39.523
12	Tỷ suất LNST/Vốn NN	17,89%	27,55%	26,87%	75,38%

Nguồn: SULECO

9. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, SULECO chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động, bao gồm cả yếu tố thuận lợi và khó khăn:

❖ **Thuận lợi**

- SULECO luôn được các cơ quan ban ngành trung ương và thành phố Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo giúp đỡ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc.
- Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty quán triệt đường lối chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ.
- Công ty tiếp tục giữ vững các thị trường truyền thống và đẩy mạnh phát triển các thị trường mới cùng với mối liên kết chặt chẽ với các đơn vị đào tạo có nguồn lao động kỹ thuật có chất lượng tốt, nhờ đó đã đưa nhiều lao động kỹ thuật đi làm việc tại các nhà máy ở Nhật Bản với thu nhập cao và ổn định...đã góp phần vào hiệu quả hoạt động của Công ty và tạo điều kiện cho Công ty phát triển ổn định.
- Nội bộ Công ty luôn có sự đoàn kết thống nhất của toàn thể cán bộ - công nhân viên cùng sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng – Trường cùng thực hiện nhiệm vụ.
- Đội ngũ cán bộ - công nhân viên từng bước trưởng thành, thích nghi với yêu cầu và đòi hỏi đổi mới sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, đặc biệt ý thức trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ - công nhân viên nâng lên rõ rệt.

❖ **Khó khăn**

- Nguồn lao động biết ngoại ngữ và có tay nghề chuyên môn còn ít trong khi đó các nước tiếp nhận đều có yêu cầu phải thành thạo và những quy định chặt chẽ về nhập cư...là những rào cản khó vượt qua đối với lao động trong nước. Mặt khác, sự ngăn ngại điều kiện thời tiết khắc nghiệt, cũng như sự khác biệt về phong tục tập quán của

các nước Hồi giáo và thu nhập không cao ở các thị trường phổ biến cho lao động phổ thông hiện tại là Đài Loan, Malaysia, các nước vùng Trung đông nên số lượng lao động ở các tỉnh phía Nam tham gia còn hạn chế.

- Tình trạng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu lao động trong và ngoài nước ngày càng gay gắt khiến cho việc duy trì đối tác cũ và tìm kiếm đối tác mới ngày càng khó khăn. Số lao động bỏ trốn trong khi làm việc, xin về nước giữa chừng hoặc vi phạm, không tuân thủ hợp đồng gia tăng, gây thiệt hại đến hoạt động của doanh nghiệp.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Phân khúc thị trường của SULECO chủ yếu là thị trường Nhật Bản. Đây là thị trường có nhu cầu cao và mang tính ổn định cho người lao động và cho cả Công ty. Để đẩy mạnh Xuất khẩu lao động Nhật Bản trong năm 2014, vừa qua Chính phủ đã phê duyệt dự án “Hỗ trợ Xuất khẩu lao động giai đoạn 2012-2015” với tổng chi phí hơn 1.000 tỉ đồng, mục tiêu là mỗi năm đưa 8.000-12.000 lao động ra Nhật Bản.

Trong lĩnh vực xuất khẩu lao động các công ty đối thủ ngày càng gia tăng, tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Tuy nhiên trong lĩnh vực này SULECO là một trong những Công ty có uy tín và chất lượng cung cấp dịch vụ tốt.

Chiến lược cạnh tranh: Công ty luôn cố gắng giảm phí dịch vụ cho khách hàng để tạo điều kiện cho khách hàng sử dụng dịch vụ và mở rộng thị trường.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của SULECO theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/06/2014 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	18.254.593.966	6.282.586.541	11.972.007.425
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	11.525.427.260	2.702.361.545	8.823.065.715
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3.461.772.818	1.651.166.301	1.810.606.517
▪ Máy móc thiết bị	2.554.666.106	1.419.571.971	1.135.094.135
+ Tài sản cần dùng	1.498.658.888	363.564.753	1.135.094.135
+ Tài sản chờ thanh lý	1.056.007.218	1.056.007.218	
▪ Thiết bị quản lý	621.657.182	418.416.124	203.241.058

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
+ Tài sản cần dùng	432.905.090	229.664.032	203.241.058
+ Tài sản chờ thanh lý	188.752.092	188.752.092	
▪ Tài sản cố định khác	91.070.600	91.070.600	-
+ Tài sản cần dùng	-	-	-
+ Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
2. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	162.651.700	-	-

Nguồn: BCTC 06 tháng đầu năm 2014

2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng

Tình hình đất đai Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia hiện đang quản lý, sử dụng, chi tiết như sau:

❖ Nhà số 635A, đường Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP.HCM

- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 03/09/2013 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp
- Diện tích: 842 m²
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Trụ sở làm việc của Công ty.
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: **0 đồng**.

❖ Nhà số 165 Đại lộ 3, phường Phước Bình, quận 9, TP.HCM

- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 03/09/2013 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp
- Diện tích: 12.305,04 m²
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Văn phòng làm việc, phòng học và nhà ở học viên (Trường Trung cấp nghề SULECO thuộc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia).
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: **0 đồng**.

3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

❖ Vốn chủ sở hữu:	52.434.267.725 đồng
<i>Trong đó:</i>	
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	32.583.000.000 đồng
▪ Vốn khác của chủ sở hữu:	648.542.941 đồng
▪ Quỹ đầu tư phát triển :	19.202.724.784 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	0 đồng
❖ Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	2.994.749.024 đồng
❖ Các khoản phải thu:	7.541.294.313 đồng
▪ Phải thu ngắn hạn:	7.541.294.313 đồng
▪ Phải thu dài hạn:	0 đồng
<i>(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 97,81%)</i>	
❖ Nợ phải trả:	185.606.910.180 đồng
▪ Nợ ngắn hạn:	185.586.910.180 đồng
▪ Nợ dài hạn:	20.000.000 đồng
<i>(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 36,82%)</i>	

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 05/11/2014, tổng số CBCNV của Công ty là 61 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động		
▪ Trình độ đại học và trên đại học	37	60,65%
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp	10	16,39%
▪ Trình độ khác	14	22,95%
Theo loại hợp đồng lao động		
▪ Đối tượng không thuộc diện ký hợp đồng lao động	2	3,28%
▪ Hợp đồng không thời hạn	38	62,29%
▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	21	34,43%
Theo giới tính		
▪ Nam	32	52,46%
▪ Nữ	29	47,54%

Nguồn: SULECO

Số lao động bình quân (người) các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Lao động	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Số lao động bình quân năm	69	64	71

Nguồn: SULECO

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý kèm theo Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của Ủy ban Nhân dân Thành phố

- Chuyển giao cho Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố số tiền đặt cọc, ký quỹ của tu nghiệp sinh phát sinh từ năm 1996 cho đến thời điểm 30/06/2014 chưa đối chiếu được là 103.653.708.414 đồng và bàn giao hợp đồng của 6.229 tu nghiệp sinh cùng với toàn bộ hồ sơ có liên quan để Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố tiếp tục thực hiện chi trả cho Tu nghiệp sinh theo đúng quy định.
- SULECO có trách nhiệm bàn giao tài sản không cần dùng cho Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố để hạch toán và xử lý theo đúng quy định.

III. KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp Nhà nước do UBND Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia đã phát huy được các tiềm năng, thế mạnh sẵn có và ngày càng khẳng định vị thế của mình.

Căn cứ vào tình hình tổng quan cũng như thực trạng của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, có thể khẳng định SULECO hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa. Với sự chuyển đổi mô hình doanh nghiệp lần này cũng như sự đổi mới về phương thức quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa sẽ hứa hẹn những bước phát triển mới, hiệu quả và ổn định.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ -CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 26/04/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 07/06/2013 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dịch vụ xuất khẩu Lao động và Chuyên gia;
- Quyết định số 270/QĐ-BCĐ-CPH ngày 11/07/2013 của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia về

việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia;

- Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 03/08/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia;
- Công văn số 4538/UBND-CNN ngày 27/08/2013 của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về việc chọn đơn vị tư vấn cổ phần hoá thực hiện công tác cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia;
- Quyết định số 3647/QĐ-UBND ngày 26/07/2014 về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia.
- Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 03/09//2014 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự; gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Việc chuyển đổi từ hình thức công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần, buộc người lao động hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với công ty, lợi nhuận làm ra không phải là của Nhà nước, mà gắn chặt trên m ỗi cổ đông, mỗi cán bộ công nhân viên. Vì vậy người lao động sẽ tích cực và năng nổ hơn trong sản xuất, bộ

máy quản lý sẽ được thiết lập lại một cách chính chu và cơ cấu gọn nhẹ hơn, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- SULECO luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của chính quyền địa phương cũng như UBND Tp. Hồ Chí Minh và các cơ quan ban ngành của Thành phố. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên cũng được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 5459/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia là **173.820.745.699 đồng** (Một trăm bảy mươi ba tỷ tám trăm hai mươi triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng).
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia tại thời điểm 30/06/2014 để cổ phần hóa là: **91.867.543.933 đồng** (Chín mươi một tỷ, tám trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của SULECO tại thời điểm 30/06/2014 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	134.387.469.491	173.820.745.699	39.433.276.208

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	12.895.222.983	33.845.713.455	20.950.490.472
1. Tài sản cố định	11.972.007.425	32.409.966.575	20.437.959.150
a. TSCĐ hữu hình	11.972.007.425	32.409.966.575	20.437.959.150
b. TSCĐ vô hình	-	-	-
2. Bất động sản đầu tư	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	162.651.700	162.751.700	-
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
6. Chi phí trả trước dài hạn	230.563.858	743.095.180	512.531.322
7. Tài sản dài hạn khác	530.000.000	530.000.000	-
8. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	121.492.246.508	121.331.943.217	(160.303.291)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	113.274.283.695	113.113.980.404	(160.303.291)
a. Tiền mặt tồn quỹ	2.990.475.159	2.988.500.320	(1.974.839)
b. Tiền gửi ngân hàng	110.283.808.536	110.125.480.084	(158.328.452)
c. Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	7.541.294.313	7.541.294.313	-
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	-	-	-
5. Tài sản lưu động khác	676.668.500	676.668.500	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	18.643.089.027	18.643.089.027
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	103.653.708.414	103.653.708.414	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
Trong đó: TS đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi			

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
2. Bất động sản đầu tư	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	103.653.708.414	103.653.708.414	-
1. Tiền chuyển về cho HFIC theo Thông báo số 905/TB-VP của UBND TPHCM ngày 04/11/2014	103.653.708.414	103.653.708.414	-
2. Vật tư, hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG	-		-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	238.041.177.905	277.474.454.113	39.433.276.208
Trong đó:			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	134.387.469.491	173.820.745.699	39.433.276.208
E1. Nợ thực tế phải trả	81.953.201.766	81.953.201.766	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	52.434.267.725	91.867.543.933	39.433.276.208

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp SULECO tại thời điểm 30/06/2014

II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là: “*Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ*”. (Phần phát hành thêm chỉ nhằm mục đích làm tròn Vốn điều lệ từ giá trị phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, không nhằm mục đích huy động vốn).

2. Tên công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA**
- Tên tiếng Anh: **LABOUR AND EXPERT EXPORT SERVICE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **SULECO**
- Tên viết tắt: **SULECO VIET NAM JSC**
- Trụ sở chính: Số 635A Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 8556740 - 8538423 Fax: (08) 3856 5813
- Website: www.sulecovietsiam.com

3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

- Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia. Giới thiệu việc làm;
- Tư vấn du học. Dịch vụ dịch thuật, dịch tài liệu, sách báo. Phiên dịch;
- Lữ hành trong nước. Lữ hành quốc tế. Đại lý bán vé máy bay;
- Xuất khẩu thực phẩm, xuất khẩu văn hóa phẩm ra nước ngoài để cung cấp cho người lao động Việt Nam ở nước ngoài;
- Gia công may da, vải simili, lều bạt, nệm xe hơi;
- Mua bán nông hải sản, thực phẩm, phụ tùng xe ô tô, hàng điện, điện tử, xe hơi, kim khí điện máy; và
- Hoạt động cho thuê lại lao động.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, SULECO dự kiến xây dựng vốn điều lệ của công ty cổ phần như sau:

- Vốn điều lệ Công ty : **92.000.000.000 đồng**
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng

- Số lượng cổ phần : 9.200.000 cổ phần

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, theo đó, SULECO không phải là doanh nghiệp thuộc diện doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần, vì vậy kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét phê duyệt tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia là 25%.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	2.300.000	23.000.000.000	25,0%
2	CBCNV mua ưu đãi	56.100	561.000.000	0,61%
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	56.100	561.000.000	0,61%
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	0	0	0%
3	Công đoàn Công ty	0	0	0%
4	Nhà đầu tư chiến lược	3.312.000	33.120.000.000	36,0%
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	3.531.900	35.319.000.000	38,39%
Tổng cộng		9.200.000	92.000.000.000	100,0%

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND Tp. Hồ Chí Minh thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia sau khi Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được UBND Tp. Hồ Chí Minh phê duyệt điều chỉnh.

5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

5.1 Phương thức bán cổ phần lần đầu

Việc bán cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia được áp dụng theo phương thức bán đấu giá công khai quy định tại Điều 37

Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC.

Sau khi tổ chức bán đấu giá công khai, sẽ thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược và bán tiếp số lượng cổ phần chưa bán hết (nếu có) theo phương thức thoả thuận trực tiếp, theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 8 Thông tư số 196/2011/TT-BTC.

5.2 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên của Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

5.3 Cổ phần bán cho CBCNV

5.3.1 Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”. Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày **05/11/2014** (thời điểm UBND TP. Hồ Chí Minh công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia để cổ phần hóa) là: **61** người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **61** người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước : **561** năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **56.100 cổ phần** với tổng mệnh giá là **561.000.000** đồng, chiếm **0,61%** vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá.

5.3.2 Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ

phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.

SULECO không có CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này.

5.4 Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì “Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này”.

Công đoàn Công ty không đăng ký mua cổ phần.

5.5 Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”.

Dựa trên quy định này, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia xây dựng các tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, Ban chỉ đạo xem xét và trình UBND Thành phố phê duyệt như sau:

- Là nhà đầu tư trong nước hoặc ngoài nước, có thời gian hoạt động tối thiểu 5 năm; có chức năng, ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh và phương án hoạt động kinh doanh sau cổ phần của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia;
- Có năng lực về tài chính cụ thể: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (đã được kiểm toán) không lỗ trong 2 năm 2012, năm 2013 và không có lỗ lũy kế; tổng số

nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 không vượt quá 3 lần ;

- Có cam kết bằng văn bản đem lại lợi ích lâu dài và gắn bó tối thiểu 5 năm với Công ty sau khi cổ phần hoá; hỗ trợ công ty sau khi cổ phần hóa về chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường.

(Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã điều chỉnh theo công văn số 1105/TCĐN-NN ngày 09/12/2014 của Chi cục Tài chính doanh nghiệp)

Đến thời điểm hiện tại, Công ty có một Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua đó là: Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại và Dịch vụ Hoàn Lộc Việt với các thông tin cụ thể:

- Tên nhà đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư – Thương mại và Dịch vụ Hoàn Lộc Việt
- Giấy CNĐKDN số: 0304854765 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2007;
- Người đại diện theo pháp luật: Phan Minh Hoàn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5A, Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38 258 106 Fax: (08) 38 248 655
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 600.000.000.000 (Sáu trăm tỷ đồng) (căn cứ theo Báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng năm 2014)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại dịch vụ, đầu tư tài chính, xuất nhập khẩu, khai thác khoáng sản, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản...
- Tính đến thời điểm 30/06/2014, Công ty cổ phần Đầu tư – Thương mại và Dịch vụ Hoàn Lộc Việt có vốn chủ sở hữu là 600.000.000.000 đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 (được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tín Việt - AICA) đạt hiệu quả 2.634.638.594 đồng và không có lỗ lũy kế; và 6 tháng đầu năm 2014 đạt 228.593.998 đồng. Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty không có số dư tại khoản mục vay và nợ ngắn, dài hạn.

Số cổ phần đăng ký mua: **36% trên tổng số cổ phần của SULECO (tương đương 3.312.000 cổ phần)** (Ba triệu ba trăm mười hai ngàn cổ phần).

▪ ***Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:***

Theo quy định tại Tiết đ, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: “*Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:*

- *Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công*

khai.

- Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.”

Sau khi tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu ra bên ngoài, Ban chỉ đạo cổ phần hóa sẽ thực hiện việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành nộp tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền cọc.

▪ **Quy định về hạn chế chuyển nhượng:**

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: “Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.

Do đó, Công ty kính trình Ban chỉ đạo xem xét thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

5.6 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: **3.513.900** cổ phần, chiếm **38,39%** vốn điều lệ.
- Giá khởi điểm là **10.000** đồng/cổ phần (tham khảo Báo cáo thuyết minh giá khởi điểm do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á lập).
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng **12/2014 – 01/2015**, sau khi có Quyết định của UBND TP. Hồ Chí Minh phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia thành công ty cổ phần.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).

6. Loại cổ phần và phương thức phát hành

6.1 Loại cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6.2 Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược được bán thỏa thuận với giá không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chi phí cổ phần hóa

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp cổ phần hóa có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là **238.041.177.905** đồng nên tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ là **500.000.000** đồng.

Chi phí cổ phần hóa của Công ty dự kiến bao gồm các khoản mục chính sau:

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (Đồng)
A	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	129.000.000
1	Chi phí đăng báo công bố thông tin về việc bán đấu giá cổ phần	18.000.000
2	Lệ phí thanh toán tổ chức bán đấu giá cổ phần*	105.957.000
3	Chi phí tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, Đại hội công nhân viên chức bất thường	5.043.000
B	Thuê các Đơn vị có chức năng thực hiện các công việc liên quan	249.500.000
1	Thuê Đơn vị tư vấn cổ phần hóa các công việc khác (bao gồm: tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa, Tư vấn lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần, Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông thành lập, Tư vấn các thủ tục hoàn tất cổ phần hóa)	249.500.000

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (Đồng)
C	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ giúp việc	121.500.000
1	Thù lao Ban chỉ đạo (Dự kiến 8 người x 1.000.000 đồng/ tháng x 9 tháng)	72.000.000
2	Thù lao Tổ giúp việc (Dự kiến 11 người x 500.000 đồng/tháng x 9 tháng)	49.500.000
	TỔNG CỘNG	500.000.000

Ghi chú:

(*) Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán, lệ phí bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán và các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần là 0,3% t rên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần và tối thiểu là 20.000.000 đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần.

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

8. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	92.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	91.867.543.933
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	68.775.600.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		336.600.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất)		336.600.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		-

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
3.2	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		33.120.000.000
3.3	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		35.319.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, nhà đầu tư chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	69.000.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm	(e) = (a) – (b)	132.456.067
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	148.724.600
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h) = [(c)–(d) – (f) – (g)] x [(e)/(a)]	-
Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		(c) – (e) – (f) – (g) – (h)	67.994.419.333

SULECO sẽ thực hiện sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP NGƯỜI LAO ĐỘNG

I. Phương án sử dụng lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau :

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	61
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, KTT)	2
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	38
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	21
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	16
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	
	- Hết hạn HĐLĐ	
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	
	- Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:	16
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 91/2010/NĐ-CP	1
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	15
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	45
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	45
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:	
	- Ốm đau	

STT	Nội dung	Tổng số
	- Thai sản	
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	
	- Nghĩa vụ quân sự	
	- Nghĩa vụ công dân khác	
	- Bị tạm giam, tạm giữ	
	- Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	

Xem Phương án lao động đính kèm

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	45	
Phân theo trình độ lao động		
- Trình độ đại học và trên đại học	36	80,00%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	09	20,00%
- Trình độ khác	0	0%
Phân theo loại hợp đồng lao động		
- Hợp đồng không thời hạn	30	66,67%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	15	33,33%
Phân theo giới tính		
- Nam	20	44,44%
- Nữ	25	55,56%

II. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Công ty áp dụng theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia có **16 người lao động** không bố trí được việc làm. Trong đó, có 01 người lao động sẽ giải quyết nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng các chính sách đối với người lao động dôi dư theo quy định Nghị định 91/2010/NĐ-CP, 15 người lao động sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Thông tư số 38/2010/NĐ -CP ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì phương án giải quyết lao động dôi dư được xây dựng sau thời điểm cơ quan có thẩm quyền thông báo hoặc quyết định phê duyệt phương án chuyển thành công ty cổ phần. Do vậy Công ty dự kiến tổng mức hỗ trợ người lao động dôi dư được hưởng tính đến thời điểm 31/12/2014 là **148.724.600 đồng**, cụ thể:

- **Đối tượng đang thực hiện HĐLĐ không xác định thời hạn sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và hưởng chính sách đối với lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định số 91/2010/NĐ-CP (1 người) là 55.344.600 đồng, cụ thể:**
 - Hỗ trợ 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH): 6.510.150 đồng (*theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP*);
 - Hỗ trợ thêm 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, số tháng lẻ cộng dồn vào giai đoạn tiếp theo) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước: 25.857.450 đồng (*theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP*);
 - 06 tháng tiền lương và phụ cấp để đi tìm việc làm: 22.977.000 đồng (*theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP*).
- **Đối tượng mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động (15 người) là 93.380.000 đồng, cụ thể:**
 - Trợ cấp mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương: 93.380.000 đồng. (theo quy định tại khoản 1 điều 49 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13).

Trường hợp của ông Trần Phú Vinh, Ông Vinh vào làm việc tại trường Trung cấp Nghề trực thuộc Công ty Dịch Vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia Suleco từ tháng 01/2005 đến tháng 10/2007. Sau đó, trường Trung cấp Nghề được chuyển sang trực thuộc Trường Cao Đẳng Nghề Tp.HCM theo quyết định của Ủy ban nhân dân Tp.HCM từ tháng 11/2007 đến tháng 09/2007. Đến tháng 10/2010, theo quyết định của Ủy ban nhân dân Tp.HCM, trường Trung cấp nghề lại chuyển về thuộc Suleco. Trong thời gian chuyển công tác, ông Vinh chưa được nhận bất cứ khoản tiền trợ cấp nào từ Suleco. Do đó, sau khi xem xét, Công ty đề xuất khoản tiền trợ cấp mất việc cho ông Vinh sẽ được tính bao gồm tất cả giai đoạn ông làm việc tại trường Trung cấp Nghề trực thuộc Suleco.

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 91/2010/NĐ – CP ngày 20/08/2010 về Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:

“ 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết chế độ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định này và chế độ thôi việc, mất việc làm theo quy định của Bộ luật lao động cho người lao động không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này từ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Trường hợp không đủ thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Quỹ Bảo hiểm xã hội chịu trách nhiệm giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các quy định của Nghị định này.

3. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo phân cấp tại Điều 7 Nghị định này chịu trách nhiệm chi trả:

a) Các chế độ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, các điểm b, c, d khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

b) Số tiền mà Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này (nếu có).”

Do đó tổng nguồn kinh phí chi trả cho người lao động dự kiến là **148.724.600 đồng**, trong đó:

- Trách nhiệm SULECO chi trả: 99.890.150 đồng, bao gồm:
 - + Từ nguồn của SULECO: 0 đồng;
 - + Trách nhiệm của SULECO nhưng đề nghị được lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu khi không đủ xin bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ: 99.890.150 đồng;
- Từ tiền bán cổ phần lần đầu, khi không đủ SULECO xin bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: 48.834.450 đồng.

Nguồn kinh phí chi trả cho người lao động sẽ được quyết toán theo số liệu thực tế chi trả cho người lao động tại thời điểm người lao động chính thức có quyết định nghỉ việc.

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

PHẦN IV

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

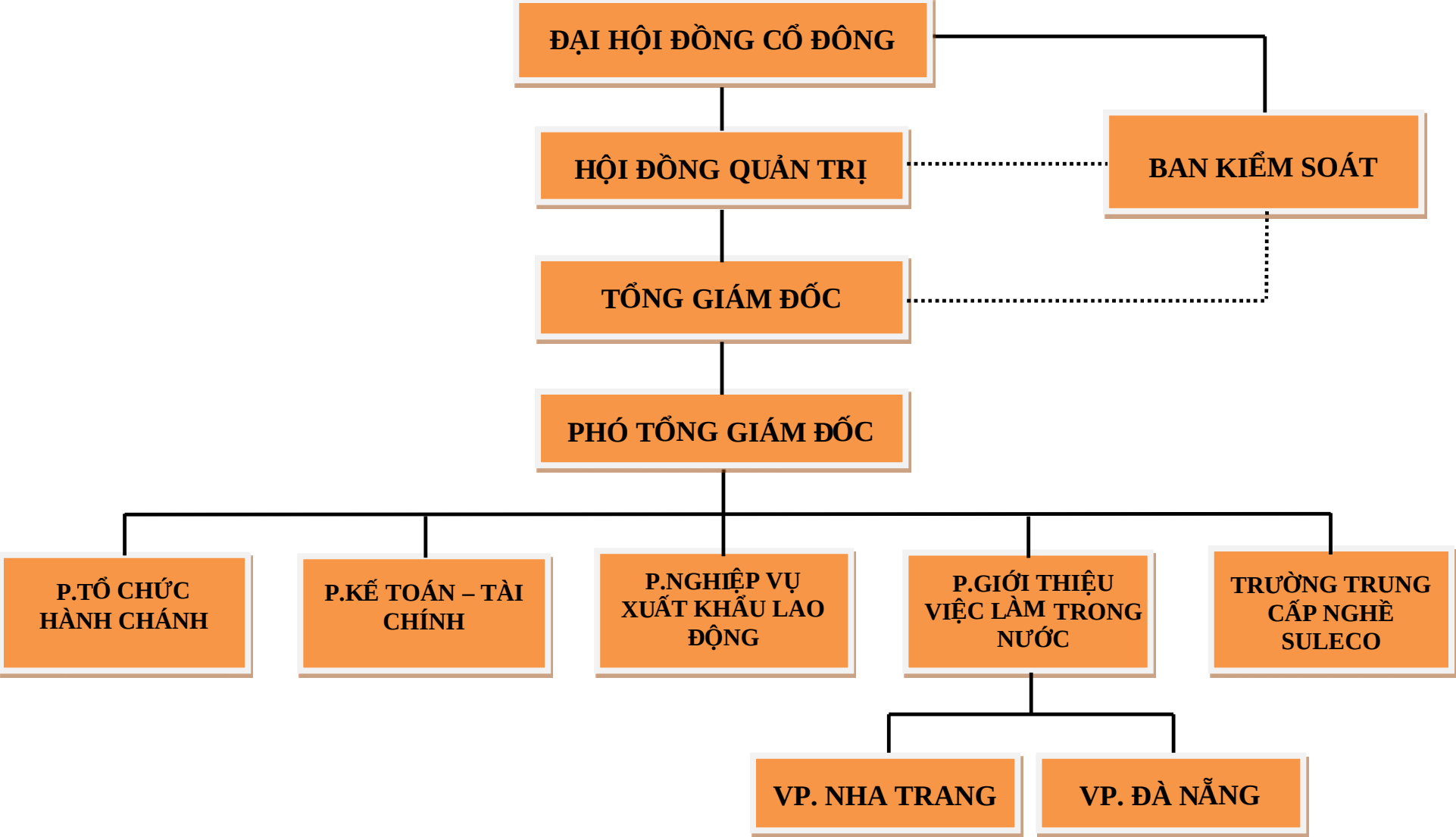
Việc thành lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ tuân thủ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty cổ phần.

Điều lệ, được xây dựng trên cơ sở tôn trọng các quy định của pháp luật hiện hành, là cơ sở cho hoạt động của công ty cổ phần.

Bộ máy quản lý điều hành Công ty được sắp xếp tinh gọn, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh sau giai đoạn cổ phần hóa. Các phòng ban được tổ chức để phụ trách các mảng nghiệp vụ kinh doanh chuyên biệt trong công ty. Cơ cấu tổ chức bộ máy sẽ nhằm đến tính linh động trong điều hành hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo phát huy hết các nguồn lực của Công ty.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty thể hiện ở sơ đồ sau:

MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA



II. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau khi cổ phần hóa

1. Cơ hội và thách thức

❖ Cơ hội

- Đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, nhu cầu về đào tạo lao động cũng như định hướng đẩy mạnh xuất khẩu lao động của Chính phủ sẽ mang lại nhiều tiềm năng và cơ hội. Quá trình hội nhập sâu rộng về kinh tế với các nước bạn sẽ thúc đẩy hơn nữa quan hệ với các nước trong và ngoài khu vực, đây là cơ hội để đẩy mạnh giao lưu về lao động giữa Việt Nam và các nước phát triển.
- Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ mang đến cho Công ty sự năng động và tự chủ cao trong hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh của mình. Mô hình mới sẽ giúp Công ty linh hoạt hơn, có khả năng phản ứng nhanh nhạy hơn trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình thị trường.
- Sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tạo nhiều cơ hội và thuận lợi cho Công ty trong việc quảng bá thương hiệu, huy động vốn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh, phát triển các dự án của Công ty.

❖ Thách thức

- Cùng với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, ngành xuất khẩu lao động của Việt Nam trong thời gian qua cũng chịu không ít khó khăn, thách thức. Đồng thời kinh tế thế giới và Việt Nam đã dần có bước phục hồi tuy nhiên những chuyên biến còn chậm và chưa rõ ràng cũng sẽ là thách thức đối với Công ty trong thời gian tới.
- Việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng mạnh mẽ và gay gắt hơn.
- Hành lang pháp lý chưa hoàn thiện, tình trạng lừa đảo khi xuất khẩu lao động cũng tạo ảnh hưởng xấu đến hình ảnh chung của ngành.
- Sau cổ phần hóa, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là vấn đề Công ty cần giải quyết. Phương thức quản trị điều hành mới đòi hỏi Công ty phải có thời gian thích nghi.

2. Định hướng phát triển của Công ty

2.1 Triển vọng của ngành

Tiềm năng phát triển của ngành xuất khẩu lao động là rất lớn, hiện tại nhu cầu lao động tại các nước Nhật Bản, Úc, Canada, UAE, Đài Loan, Hàn Quốc ngày một tăng cao.

Theo Cục Quản lý lao động ngoài nước, hiện nay có khoảng 500.000 lao động VN đang làm việc ở nước ngoài, tập trung nhiều tại Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia...và tập

trung nhiều nhất tại Nhật Bản. Mỗi năm họ gửi về nước gần 2 tỉ USD.

Để đẩy mạnh hiệu quả Xuất khẩu lao động Nhật Bản 2014, vừa qua Chính phủ đã phê duyệt dự án “Hỗ trợ Xuất khẩu lao động giai đoạn 2012-2015” với tổng chi phí hơn 1.000 tỉ đồng, mục tiêu là mỗi năm đưa 8.000-12.000 lao động ra Nhật Bản, nước ngoài làm việc; thành lập nhiều trung tâm đào tạo nhằm nâng cao chất lượng lao động cung cấp cho các thị trường bậc cao; phấn đấu đến năm 2015 có khoảng 60% lao động được đào tạo nghề và 100% lao động được bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi đi làm việc ở Nhật, nước ngoài.

Với chính sách đẩy mạnh xuất khẩu lao động, triển vọng phát triển của ngành xuất khẩu lao động nói chung và của Công ty Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia nói riêng là hết sức thuận lợi trong thời gian tới.

2.2 Định hướng phát triển của Công ty

SULECO sẽ phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa với các mục tiêu cụ thể:

- Dịch vụ Xuất khẩu lao động: tập trung các biện pháp nhằm duy trì các thị trường xuất khẩu lao động truyền thống của Công ty; đầu tư khai thác các thị trường mới có thu nhập cao, phù hợp với yêu cầu của hoạt động xuất khẩu lao động trong thời gian sắp tới.
- Dịch vụ cung ứng lao động trong nước: bao gồm cung ứng dịch vụ cho thuê lại lao động (outsourcing) và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong nước, trên cơ sở khai thác tốt nguồn lao động có tay nghề và ngoại ngữ sau khi tham gia xuất khẩu lao động về nước.
- Đào tạo nghề và ngoại ngữ: đầu tư mở rộng trường Trung cấp nghề Suleco hiện hữu phục vụ việc đào tạo nghề và ngoại ngữ nâng cao chất lượng người lao động đi làm việc nước ngoài, song song với tập trung đào tạo nghề ngắn hạn, góp phần đáp ứng một phần nhu cầu lao động có tay nghề của các nhà máy, khu công nghiệp của thành phố và các tỉnh lân cận.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Thực hiện cải tiến công tác quản lý để phù hợp theo mô hình mới - công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Mỗi tháng các doanh nghiệp Việt Nam phái cử tổng cộng khoảng 1.000 lao động sang Nhật làm việc trong các lĩnh vực khác nhau. Còn theo các doanh nghiệp XKLD, tỷ lệ lao động tăng đột biến là do các tập đoàn Nhật Bản tăng cường đơn hàng tuyển dụng lao động Việt Nam nhằm đẩy nhanh chiến dịch tái thiết các thành phố sau thảm họa động đất và sóng thần. Đồng thời, phục vụ chiến dịch xây dựng cho Thế vận hội 2020.

Định hướng của phát triển công ty SULECO là tập trung vào thị trường lao động Nhật Bản và mở rộng sang các thị trường khác là phù hợp với tình hình nhu cầu thực tại.

III. Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, định hướng phát triển kinh tế - xã hội Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020, chiến lược phát triển Công ty sau cổ phần hóa nêu trên, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 - 2016 với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Vốn điều lệ	Đồng	92.000	92.000	92.000	92.000
2	Tổng doanh thu	Đồng	85.745	68.000	72.000	80.000
3	Tổng chi phí	Đồng	75.955	59.025	62.625	70.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	9.790	8.975	9.375	10.000
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Đồng	7.636	7.000	7.500	8.000
6	LNST/Vốn điều lệ	%	8,3%	7,61%	8,15%	8,70%
7	Tỷ lệ cổ tức chi trả	%	N/A	5%	5%	6%

Nguồn: SULECO

Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế được tính trên cơ sở Chính phủ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 01/01/2014, cụ thể là tỷ suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% cho 2015 và 20% cho năm 2016, 2017.

Những năm 2011, 2012, 2013, 2014 Công ty có khoản thu nhập bất thường từ hoạt động tài chính là chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng và lãi phải trả cho tu nghiệp sinh từ những năm về trước. Loại trừ những yếu tố bất thường nên trên kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2015, 2016, 2017 không thấp hơn những năm trước.

IV. Biện pháp thực hiện

1. Đối với tổ chức bộ máy Công ty cổ phần

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về công ty cổ phần. Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan. Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

2. Đối với sản xuất kinh doanh

Để đạt được những mục tiêu và thực hiện được chiến lược nêu trên, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

Công ty sẽ tiếp tục giữ vững và phát huy thương hiệu SULECO, là doanh nghiệp tiên phong trong việc đưa nhiều lao động có tay nghề và lao động kỹ thuật cao đi làm việc ở các nước phát triển theo đúng định hướng của Nhà nước về chiến lược xuất khẩu lao động. Trong đó tập trung vào các thị trường có thu nhập cao, chủ yếu là Nhật Bản và các nước phát triển có nhu cầu tuyển dụng lao động làm việc ở các lĩnh vực cơ khí, hàn, sản xuất chế biến công nghệ cao, điều dưỡng viên, quản lý nhà hàng, khách sạn, giao dịch bán hàng ..., từng bước thâm nhập thị trường lao động các nước Mỹ, Canada, Australia..., có công việc và thu nhập ổn định cùng nhiều điều kiện học hỏi, phù hợp với đặc điểm và yêu cầu của lao động thành phố.

Công ty sẽ tập trung khai thác có hiệu quả hoạt động của trường Trung cấp nghề Suleco để chủ động trong công tác đào tạo một phần lao động kỹ thuật. Đồng thời liên kết với các quận huyện, các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề của thành phố và các trung tâm giới thiệu việc làm các tỉnh phía nam để chuẩn bị nguồn lao động có tay nghề theo yêu cầu của đối tác nước ngoài.

3. Về quản lý tài chính:

Thực hành tiết kiệm, giảm giá thành dịch vụ, tăng thu nhập cho người lao động.

Quản lý và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả. Đa dạng hóa hình thức huy động vốn để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh doanh.

Đẩy mạnh sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính trong kinh doanh.

4. Chính sách phát triển thị trường, đối tác kinh doanh:

Đối với khách hàng đã có quan hệ kinh doanh, chủ động duy trì và phát triển lên tầm quan hệ mới: bền vững, hiệu quả và lâu dài.

Tổ chức nghiên cứu, tiếp cận, nắm bắt thông tin để mở rộng thị trường, khai thác khách hàng mới tạo cơ hội hợp tác kinh doanh.

Đối với thị trường nội địa: duy trì, mở rộng và phát triển có trọng điểm theo mạng lưới cung ứng và phân phối dịch vụ.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực:

Chú trọng yếu tố con người. Xây dựng chiến lược phát triển lao động theo định hướng: Quy hoạch – Đào tạo – Bồi dưỡng – Sử dụng. Mạnh dạn sử dụng lao động trẻ, có năng lực, nhiệt tình công tác.

Xây dựng bộ máy tổ chức phù hợp với hoạt động của Công ty. Xây dựng cơ chế chính sách nhân sự hợp lý để thu hút nhân tài.

V. Các rủi ro dự kiến:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bị giảm sút so với giai đoạn trước năm 2008 cụ thể tăng trưởng 5,9% năm 2011, 5,03% trong năm 2012 và 5,42% trong năm 2013.

Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động của doanh nghiệp sẽ khả quan hơn trong thời gian tới.

Hoạt động chủ yếu của SULECO là xuất khẩu lao động, trong đó xuất khẩu lao động là sản phẩm phụ thuộc vào nhu cầu phát triển kinh tế các các nước đối tác. Do đó, nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty ít nhiều bị tác động từ rủi ro kinh tế.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Xuất khẩu Lao động,...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro xuất khẩu lao động

Rủi ro trong hoạt động xuất khẩu lao động từ phía người sử dụng lao động không nhiều chủ yếu đến từ phía người lao động, người lao động phá vỡ hợp đồng. Rủi ro từ an

toàn lao động bên nước ngoài cũng là vấn đề đáng quan tâm. Ngoài ra rủi ro bị phá vỡ hợp đồng từ các đối tác không phải không có, đôi khi đến từ những lý do khách quan, thay đổi chính sách phát triển dẫn đến nhu cầu lao động thay đổi.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc song chưa hồi phục hoàn toàn. Dòng tiền vào thị trường còn hạn chế. Nguồn cung cổ phiếu với giá rẻ trên thị trường có khá nhiều, nhà đầu tư cũng ít quan tâm hơn đến hoạt động IPO phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty sẽ gặp một số ảnh hưởng không nhỏ từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, động đất, sóng thần, hỏa hoạn, nguồn nước ô nhiễm, chiến tranh, tình hình kinh tế thế giới ...

VI. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia là phù hợp với chủ trương của nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị UBND Tp.Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định của UBND Tp. Hồ Chí Minh về việc chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia thành Công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	T12/2014
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	T12/2014 – T01/2015
3	Tổ chức bán cổ phần cho CB CNV, nhà đầu tư chiến lược	T12/2014 – T01/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	T01/2015
5	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	T01/2015
6	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	T01-02/2015
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Giám đốc Công ty cổ phần	T02/2015
8	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	T02/2015
9	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T02/2015
10	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T02/2015
11	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị công ty cổ phần	T02/2015

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA



ĐOÀN TƯỜNG THỤY